

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ BAO TRÙM TÀI CHÍNH CỦA HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN TẠI VIỆT NAM

Factors affecting the level of financial inclusion of rural households in Vietnam

Đặng Phúc Danh¹ và Lê Thị Tiên¹

¹Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Tây Ninh, Việt Nam

✉ dang.phuc.danh@daihoclongan.edu.vn

Tóm tắt — Bài tổng quan hệ thống hóa các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ bao trùm tài chính của hộ gia đình nông thôn Việt Nam, dựa trên khung lý thuyết và các nghiên cứu trước trong và ngoài nước. Bao trùm tài chính được hiểu không chỉ là khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức mà còn là mức độ sử dụng bền vững và chất lượng dịch vụ. Ba nền tảng lý thuyết chính được sử dụng gồm: Lý thuyết trung gian tài chính giải thích rào cản cung như khoảng cách và chi phí giao dịch; Lý thuyết khả năng nhân mạnh vai trò của thu nhập, học vấn và năng lực hộ gia đình trong sử dụng dịch vụ tài chính và Lý thuyết Vốn xã hội giải thích tác động của niềm tin, mạng lưới xã hội và chuẩn mực cộng đồng. Tổng quan nghiên cứu cho thấy các yếu tố kinh tế, xã hội – nhân khẩu và địa lý – hạ tầng có tác động mạnh đến bao trùm tài chính. Công nghệ tài chính nổi lên như động lực mới giúp giảm chi phí tiếp cận ở vùng nông thôn tại Việt Nam.

Abstract — This article provides a systematic overview of the factors affecting the level of financial inclusion among rural households in Vietnam, based on established theoretical frameworks and prior empirical studies both domestically and internationally. Financial inclusion is defined not only as access to formal financial services but also as the sustainable usage and quality of those services. Three main theoretical foundations are applied: Financial Intermediation Theory, which explains supply-side barriers such as geographic distance and transaction costs; Capability Theory, which highlights the role of income, education, and household financial capability in utilizing financial services and Social Capital Theory, which elucidates the influence of trust, social networks, and community norms. The literature review shows that economic factors, socio-demographic characteristics, and geographical-infrastructure conditions have strong impacts on financial inclusion. Notably, financial technology (FinTech) has emerged as a significant new driver, substantially reducing access costs and enhancing financial inclusion in rural Vietnam.

Từ khóa — Bao trùm tài chính, hộ gia đình nông thôn, trung gian tài chính, khả năng, vốn xã hội.

1. Giới thiệu

Mặc dù Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và tiến bộ trong phát triển lĩnh vực tài chính, các hộ gia đình nông thôn vẫn phải đối mặt với sự chênh lệch trong việc tiếp cận các dịch vụ tài chính. Nhiều gia đình nông thôn dựa vào các cơ chế tài chính không chính thức, chẳng hạn như vay mượn từ người thân hoặc các tổ chức, cá nhân cho vay lãi cao tại địa phương, vốn thường đi kèm với chi phí cao và rủi ro lớn. Sự thiếu hụt bao trùm tài chính hạn chế khả năng đầu tư vào giáo dục, nông nghiệp hoặc các doanh nghiệp nhỏ của họ, từ đó phát sinh một số khó khăn và bất bình đẳng trong xã hội.

Các nghiên cứu trên thế giới đã khám phá về bao trùm tài chính, vẫn còn tương đối ít các nghiên cứu cụ thể theo bối cảnh Việt Nam để xác định các yếu tố đặc thù ảnh hưởng đến bao trùm tài chính ở khu vực nông thôn. Nghiên cứu này tìm cách giải

quyết khoảng trống đó bằng cách xem xét các yếu tố chính ảnh hưởng đến mức độ bao trùm tài chính của các hộ gia đình nông thôn tại Việt Nam, từ đó cung cấp cái nhìn tổng thể cho các nhà hoạch định chính sách để thúc đẩy tiếp cận công bằng đến các dịch vụ tài chính tại nông thôn.

Nghiên cứu cụ thể nhằm mục tiêu chính:

- Hệ thống hóa lý thuyết về bao trùm tài chính.
- Tổng hợp một số nghiên cứu thực nghiệm quốc tế – Việt Nam.
- Xác định khoảng trống nghiên cứu.
- Đề xuất mô hình nghiên cứu.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm

Bao trùm tài chính (Financial Inclusion – FI) được hiểu là việc cung cấp các dịch vụ tài chính có

<https://doi.org/10.63783/dla.2025.059>

Ngày nộp bài: 12/11/2025; Ngày nhận bản chỉnh sửa: 10/12/2025; Ngày duyệt đăng: 22/12/2025

chi phí thấp và dễ tiếp cận cho các cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp, đặc biệt là những nhóm dễ bị loại trừ như hộ gia đình nông thôn nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo [1]. Khái niệm này được phát triển từ lý thuyết tài chính phát triển nhấn mạnh vai trò của hệ thống tài chính trong việc phân bổ nguồn lực hiệu quả theo nghiên cứu của Schumpeter (1911) cho rằng tài chính là yếu tố then chốt thúc đẩy đổi mới và tăng trưởng [2]. Trong bối cảnh hiện nay Việt Nam có hơn 60% hộ gia đình ở nông thôn sống chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp; bao trùm tài chính được xem là công cụ quan trọng để giảm bất bình đẳng khu vực và hỗ trợ hộ gia đình nông thôn tiếp cận tín dụng, tiết kiệm và bảo hiểm, từ đó cải thiện phúc lợi và ổn định kinh tế [3].

Bao trùm tài chính (FI) = Tiếp cận + Sử dụng bền vững + chất lượng dịch vụ [1], [3].

Tiếp cận (access) có tài khoản, chi nhánh gần, chi phí hợp lý.

Sử dụng (usage) thực tế có giao dịch như gửi, vay, thanh toán.

Chất lượng (quality) phù hợp nhu cầu, minh bạch, bảo vệ người dùng.

Ở Việt Nam, FI là công cụ giúp hộ gia đình nông thôn chuyển hóa thu nhập thành giáo dục, sức khỏe, phát triển sinh kế bền vững.

2.2. Khung lý thuyết tổng hợp

Lý thuyết trung gian tài chính (Financial Intermediation Theory) của Diamond (1984) cho thấy trung gian tài chính sẽ giúp giảm thiểu rủi ro như thông tin bất cân xứng và chi phí giao dịch, giúp hộ gia đình nông thôn tiếp cận vốn dễ dàng hơn. Trung gian tài chính gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng hình thành có ảnh hưởng đến:

- Việc mở chi nhánh ngân hàng.
- Khoảng cách cung ứng dịch vụ tài chính.
- Chi phí dịch vụ tài chính.
- Hạ tầng tài chính.

Ở Việt Nam, lý thuyết này giải thích tại sao khoảng cách địa lý đến chi nhánh ngân hàng là rào cản lớn đối với hộ gia đình nông thôn dẫn đến phụ thuộc vào tín dụng không chính thức [1].

Lý thuyết khả năng (Capability Approach) được phát triển bởi Sen (1999) nhấn mạnh rằng bao trùm tài chính nâng cao khả năng của hộ gia đình nông thôn trong việc chuyển đổi thu nhập thành kết quả phát triển như giáo dục và sức khỏe [4]. Tiếp cận tài chính giúp hộ gia đình tăng cường khả năng:

- Chuyển thu nhập thành giáo dục, y tế.

- Tăng phúc lợi.
- Mở rộng cơ hội kinh tế.

Lý thuyết vốn xã hội (Social Capital Theory) của Bourdieu (1986); Coleman (1988) đã chỉ ra vốn xã hội gồm mạng lưới quan hệ và lòng tin hỗ trợ tiếp cận dịch vụ tài chính gián tiếp thông qua các kênh không chính thức [5–6]. Lý thuyết vốn xã hội có ảnh hưởng đến quyết định tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính cụ thể là:

- Tăng niềm tin vào ngân hàng.
- Mở rộng mạng lưới xã hội.
- Sự hỗ trợ cộng đồng.

Nghiên cứu của Nguyen và cộng sự (2023) sử dụng dữ liệu từ khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam VHLSS để chứng minh việc tiếp cận tài khoản ngân hàng giúp giảm nghèo đa chiều bằng cách tăng cường khả năng tiết kiệm và đầu tư [7].

Áp dụng tại Việt Nam, nghiên cứu của Tran và Schmitt (2024) cho thấy các yếu tố như trình độ học vấn và thu nhập tương đối ảnh hưởng tiêu cực đến mức độ bao trùm tài chính, đặc biệt ở khu vực nông thôn nơi phụ nữ và nhóm thu nhập thấp có khả năng bị loại trừ nhiều hơn [9].

Ở một số khu vực nông thôn Việt Nam, vốn xã hội ở cấp độ cộng đồng địa phương giúp cải thiện tiếp cận dịch vụ cơ bản, như được chứng minh trong nghiên cứu của Nguyen và cộng sự (2021) sử dụng dữ liệu VARHS. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng vốn xã hội liên kết với chính quyền có tác động mạnh hơn đến chiến lược sinh kế bền vững so với vốn xã hội gắn kết nội bộ [10].

Khung lý thuyết tổng hợp trên nhấn mạnh rằng bao trùm tài chính không chỉ là vấn đề tiếp cận mà còn là sử dụng bền vững, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Các nghiên cứu tại Việt Nam khuyến nghị chính sách tập trung vào bao trùm tài chính và phát triển công nghệ tài chính để từng bước giảm khoảng cách nông thôn – thành thị trong báo cáo của World Bank (2018) [3], [15].

Chỉ số bao trùm tài chính (**Financial Inclusion Index – FII**) cho biết cá nhân, hộ gia đình, đặc biệt là những người có thu nhập thấp ở vùng nông thôn, những người dễ bị tổn thương có khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức ở mức độ phù hợp, thuận tiện với chi phí hợp lý. Các dịch vụ tài chính chính thức thường gồm: Có tài khoản ngân hàng, tiết kiệm, tín dụng, thanh toán, chuyển tiền, bảo hiểm, v.v. Đa chiều bao gồm cả khả năng tiếp cận, sử dụng và chất lượng, khả năng đáp ứng nhu cầu tín dụng với chi phí hợp lý.

Bảng 1. Khung lý thuyết tổng hợp

Khung lý thuyết	Nhóm nghiên cứu	Ứng dụng tại Việt Nam
Lý thuyết trung gian tài chính	Diamond (1984) [1]	Giảm thông tin bất cân xứng; khoảng cách địa lý tạo ra rào cản lớn
Lý thuyết khả năng	Sen (1999) [4]	Bao trùm tài chính nâng cao khả năng chuyển thu nhập thành phúc lợi
Lý thuyết vốn xã hội	Bourdieu (1986) [5] Coleman (1988) [6]	Mạng lưới cộng đồng hỗ trợ tiếp cận gián tiếp; vốn liên kết với chính quyền; vốn gắn kết nội bộ

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nghiên cứu trước)

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ bao trùm tài chính

Lược khảo các nghiên cứu trước, mức độ bao trùm tài chính của hộ gia đình nông thôn bị chi phối bởi yếu tố cung và cầu trên thị trường.

Yếu tố cung bao gồm khoảng cách địa lý và chi phí dịch vụ cao hạn chế tiếp cận theo lý thuyết chi phí giao dịch. Nghiên cứu của Chau (2018) sử dụng dữ liệu Global Findex cho thấy hộ gia đình nông thôn Việt Nam phụ thuộc 67% vào vay mượn không chính thức do thiếu cơ sở hạ tầng tài chính và chi nhánh ngân hàng ở địa phương [11].

Yếu tố cầu gồm thu nhập, giáo dục và giới tính là các yếu tố chính. Lý thuyết hành vi tài chính của Kahneman và Tversky (1979) giải thích sự e ngại rủi ro của hộ gia đình ở nông thôn dẫn đến mức sử dụng thấp [13]. Nghiên cứu của Nguyen và Luong (2023) xác nhận rằng thu nhập tuyệt đối tăng cường bao trùm tài chính, nhưng thu nhập tương đối lại làm giảm [8].

Tác động của công nghệ tài chính từ lý thuyết đổi mới sáng tạo nhấn mạnh vai trò của Fintech trong việc vượt qua rào cản địa lý. Ở Việt Nam, công nghệ tài chính đã giúp tăng tỷ lệ tài khoản chính thức đặc biệt ở vùng nông thôn [12].

2.4. Công nghệ tài chính ở nông thôn

Công nghệ tài chính (Fintech) đã và đang trở thành động lực đột phá giúp thu hẹp khoảng cách bao trùm tài chính giữa nông thôn và thành thị tại Việt Nam. Các nền tảng công nghệ ví điện tử như MoMo, ZaloPay; ngân hàng số như Timo, TNEX, Techcombank Digital, VCB Digibank và dịch vụ cho vay trực tuyến đã giảm đáng kể chi phí giao dịch và khoảng cách địa lý vốn được xem là hai rào cản lớn nhất mà lý thuyết trung gian tài chính truyền thống chỉ ra. Fintech hỗ trợ tiếp cận tín dụng nhanh cho hộ sản xuất nông nghiệp thông qua các mô hình chấm điểm tín dụng thay thế dùng dữ liệu giao dịch ví điện tử, lịch sử thanh toán điện, nước. Tuy nhiên, thách thức còn lớn như tỷ lệ sử dụng bền vững vẫn thấp do thiếu kiến thức tài chính số, nỗi lo bảo mật và thói quen tiền mặt còn phổ biến ở một bộ phận hộ gia đình nông thôn.

3. Tổng quan nghiên cứu

3.1. Các nghiên cứu trước đã thực hiện

Nghiên cứu về bao trùm tài chính đã được thực hiện tương đối rộng rãi trên thế giới, tập trung vào đo lường mức độ bao trùm, các yếu tố quyết định và tác động đối với tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo.

Nghiên cứu của Sarma và Pais (2011) đề xuất chỉ số FII đa chiều kết hợp ba thành phần: Tiếp cận, sử dụng và mức độ khả dụng của dịch vụ [16]. Allen và cộng sự (2016) chứng minh rằng yếu tố thể chế, môi trường pháp lý và hạ tầng tài chính là những biến có tác động mạnh nhất đến chỉ số bao trùm tài chính [17]. Nghiên cứu của Demirgüç-Kunt và Klapper (2013) là người tiên phong với bộ dữ liệu Global Findex cho thấy sự khác biệt rõ giữa nhóm dân cư nông thôn và thành thị trong tiếp cận dịch vụ tài chính [18].

Bên cạnh đó, các nghiên cứu tại Châu Á nhấn mạnh vai trò của công nghệ và yếu tố văn hoá. Park & Mercado (2018) chỉ ra rằng các quốc gia Đông Nam Á có mức độ bao trùm tài chính thấp do lệ thuộc vào tín dụng phi chính thức, nhưng lại có tiềm năng tăng trưởng mạnh nhờ Fintech và thanh toán di động [19]. Ở Ấn Độ, nghiên cứu của Sharma & Kukreja (2013) chỉ ra chính sách giúp gia tăng tài khoản ngân hàng nhờ vào chính sách quốc gia hóa tài chính [20].

Tại Việt Nam, hướng nghiên cứu này xuất hiện từ năm 2018 khi World Bank công bố báo cáo “Vietnam Financial Inclusion Overview”.

Nguyen và Luong (2023) xác định các yếu tố nhân khẩu học (giới tính, tuổi, học vấn) và kinh tế (thu nhập, việc làm) ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tham gia tài chính chính thức. Nguyen và cộng sự (2022) chỉ ra mối quan hệ hai chiều giữa bao trùm tài chính và nghèo đa chiều: Hộ tham gia hệ thống tài chính chính thức có khả năng thoát nghèo cao hơn đáng kể [7–8].

Nghiên cứu trước sử dụng dữ liệu VHLSS 2018–2020 như Chau (2018) hay Nguyen và cộng sự (2023) đều khẳng định vai trò của khoảng cách

địa lý và cơ sở hạ tầng của ngân hàng đối với khả năng tiếp cận tài chính. Ngoài ra, Phạm và cộng sự (2023) nhấn mạnh Fintech là nhân tố mới, giúp mở

rộng bao trùm ở khu vực nông thôn qua các ví điện tử, ngân hàng số và dịch vụ thanh toán di động [8], [11], [14].

Bảng 2. Tổng hợp nghiên cứu trong nước và quốc tế

Phạm vi	Nghiên cứu tiêu biểu	Phát hiện chính
Quốc tế	Sarma & Pais (2011) [16]	Đề xuất FII đa chiều
	Demirgüç-Kunt & Klapper (2013) [18]	Nông thôn bị loại trừ nhiều hơn
	Allen và cộng sự (2016) [17]	Thế chế, hạ tầng được xem là yếu tố mạnh nhất
Châu Á	Sharma & Kukreja (2013) [20]	Chính sách quốc gia hóa tài khoản (Ấn Độ)
	Park & Mercado (2018) [19]	Fintech là động lực tăng trưởng
Việt Nam	Nguyen & Luong (2023) [8]	67% vay phi chính thức do thiếu hạ tầng
	Chau (2018) [11]	FII giúp giảm nghèo đa chiều
	Nguyen và cộng sự (2022) [7]	Thu nhập, học vấn, giới có ảnh hưởng lớn
	Nguyen & Luong (2023) [8]	Công nghệ tài chính giúp tăng FII ở nông thôn qua ví điện tử
	Phạm và cộng sự (2023) [14]	

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nghiên cứu trước)

3.2. Khoảng trống nghiên cứu

Một số nghiên cứu trước sử dụng chỉ số đơn chiều như sở hữu tài khoản, vay chính thức nên có thể chưa phản ánh đầy đủ ba thành phần: Tiếp cận – Sử dụng – Chất lượng.

Có tương đối ít nghiên cứu xây dựng chỉ số FII đa chiều ở mức hộ gia đình cho Việt Nam, đặc biệt dựa trên bộ dữ liệu VHLSS 2020. Nguồn

nghiên cứu về Fintech ở nông thôn còn ít, trong khi khu vực này có thể là xu hướng quan trọng trong tương lai.

Chưa phân loại FII theo cấp độ: Thấp – Trung bình – Cao nên chưa đánh giá được sự khác biệt giữa các cấp độ.

4. Dữ liệu, mô hình nghiên cứu

4.1. Dữ liệu nghiên cứu

Bảng 3. Các chỉ số đo lường

Thành phần	Ý nghĩa	Cách đo lường
Tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức	Hộ có ngân hàng / tổ chức tín dụng nào gần nơi cư trú, có chi nhánh/quầy giao dịch / ATM / dịch vụ ngân hàng số	Khoảng cách đến ngân hàng, có tài khoản ngân hàng, có tài khoản tại tổ chức chính thức
Sở hữu tài khoản ngân hàng	Hộ (hoặc cá nhân trong hộ) có sở hữu tài khoản tiết kiệm / thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức tài chính chính thức	“Bạn có tài khoản ngân hàng?”
Sử dụng các sản phẩm tín dụng chính thức	Hộ vay vốn từ ngân hàng/quỹ/tổ chức chính thức, vay cho sản xuất, tiêu dùng, đầu tư	“Hộ có vay ngân hàng trong năm qua?”, số tiền vay, loại tín dụng
Tiết kiệm chính thức	Hộ gửi tiền vào ngân hàng / tổ chức tín dụng, sử dụng sản phẩm tiết kiệm chính thức thay vì tiết kiệm phi chính thức	“Bạn có gửi tiết kiệm tại ngân hàng/quỹ tiết kiệm/chuyển qua tổ chức chính thức không?”
Thanh toán / chuyển tiền / sử dụng các dịch vụ tài chính	Thanh toán hóa đơn, chuyển tiền qua kênh chính thức, sử dụng thẻ ngân hàng, dịch vụ ngân hàng số, mobile banking	“Bạn có sử dụng thẻ?”, “có thực hiện chuyển khoản ngân hàng?”, “mua hàng qua ngân hàng”
Chi phí / độ tin cậy / kiến thức / rào cản không thấy rõ	Mức phí, yêu cầu giấy tờ, thiếu thông tin, e ngại rủi ro, hạ tầng chưa phát triển	Khảo sát một số rào cản “tại sao bạn không dùng dịch vụ thanh toán qua ngân hàng?”

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ VHLSS 2020)

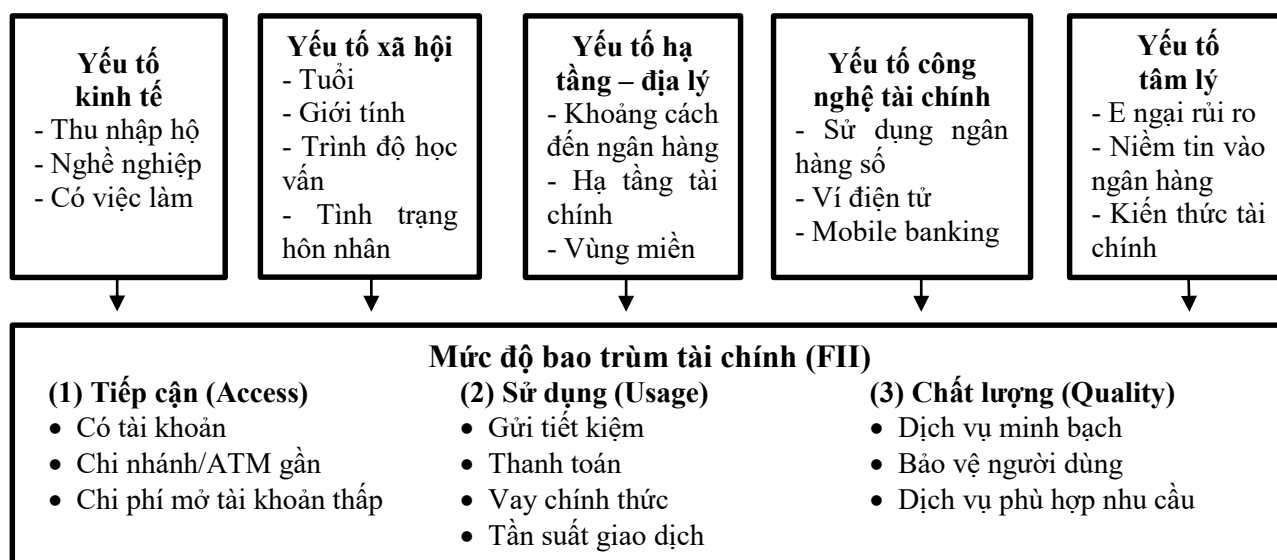
Tác giả sử dụng dữ liệu thứ cấp VHLSS 2020 để đo lường cụ thể:

- Hộ có tài khoản ngân hàng hay không?
- Hộ có vay từ ngân hàng chính thức / tổ chức tín dụng chính thức trong khoảng thời gian khảo sát?
- Số tiền vay / khoản vay chính thức.
- Hộ có gửi tiết kiệm tại ngân hàng / tổ chức tín dụng hay không?
- Hộ có trả hóa đơn / chuyển tiền / chuyển khoản qua ngân hàng hay không?
- Khoảng cách tiếp cận ngân hàng / chi nhánh / trụ sở tín dụng nếu khảo sát hỏi về khoảng cách dịch vụ.

Cách xây dựng chỉ số bao trùm tài chính (FII) từ VHLSS 2020:

- Chỉ số nhị phân (binary index): Nếu hộ gia đình nông thôn thỏa bất kỳ hoặc tất cả các tiêu chí: Có tài khoản ngân hàng + có vay chính thức + có gửi tiết kiệm chính thức + có sử dụng phương thức thanh toán qua ngân hàng $\Rightarrow$ hộ gia đình được xem là bao trùm tài chính.
- Chỉ số đa chiều (composite index): Gán điểm cho từng thành phần (tài khoản = 1 nếu: Có vay chính thức = 1; tiết kiệm chính thức = 1; sử dụng dịch vụ thanh toán ngân hàng = 1); tính tổng / trung bình và xếp theo cấp độ (thấp / trung bình / cao).

4.2. Đề xuất mô hình nghiên cứu



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ lý thuyết, nghiên cứu trước)

5. Kết luận

5.1. Kết luận

Tổng quan nghiên cứu cho thấy bao trùm tài chính của hộ gia đình nông thôn chịu tác động đồng thời từ các nhóm yếu tố kinh tế, xã hội, hạ tầng – địa lý, tâm lý và công nghệ tài chính. Thu nhập, trình độ học vấn và việc làm là những yếu tố thúc đẩy mạnh nhất ở phía cầu. Ở phía cung, khoảng cách địa lý và hạ tầng tài chính vẫn là rào cản cốt lõi, đặc biệt trong khu vực nông thôn và miền núi. Bên cạnh đó, Fintech đang nổi lên như một kênh quan trọng giúp giảm chi phí tiếp cận, thu hẹp dần khoảng cách giữa nông thôn – thành thị. Ngoài ra, chỉ số bao trùm tài chính hiện được tiếp cận theo nhiều cách khác nhau, mặc dù vậy hướng đa chiều tiếp cận – sử dụng – chất lượng được xem là phù hợp trong bối cảnh hiện nay tại Việt Nam.

5.2. Một số hạn chế

Bài tổng quan chưa có điều kiện so sánh sự khác biệt giữa Mô hình Logit, Ordered Logit, FII đa chiều trong nghiên cứu này. Hiện tại, nghiên cứu về FII ở nông thôn Việt Nam còn tương đối ít.

5.3. Hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu tiếp theo, tác giả sẽ sử dụng Mô hình Logit thứ bậc (Ordered Logit Model – ologit), Ước lượng hợp lý cực đại (Maximum Likelihood Estimation – MLE) kết hợp bộ dữ liệu VHLSS 2020 để phân tích mức độ bao trùm tài chính của hộ gia đình nông thôn tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] D. W. Diamond, “Financial intermediation and delegated monitoring,” *Review of Economic Studies*, vol. 51, no. 3, pp. 393–414, 1984.

- [2] J. A. Schumpeter, *The Theory of Economic Development*. Cambridge, MA, USA: Harvard University Press, 1911.
- [3] World Bank, *Vietnam Financial Inclusion Overview*. Washington, DC, USA, 2018.
- [4] A. Sen, *Development as Freedom*. Oxford, U.K.: Oxford University Press, 1999.
- [5] P. Bourdieu, "The forms of capital" in *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*, J. G. Richardson, Ed. New York, NY, USA: Greenwood, 1986.
- [6] J. S. Coleman, "Social capital in the creation of human capital," *American Journal of Sociology*, vol. 94, pp. 95–120, 1988.
- [7] T. V. Nguyen, T. T. Pham, and Q. T. Le, "The effect of financial inclusion on multidimensional poverty: The case of Vietnam," *Cogent Economics & Finance*, vol. 10, no. 1, Art. no. 2132643, Dec. 2022, DOI: 10.1080/23322039.2022.2132643.
- [8] T. A. N. Nguyen and T. T. H. Luong, "The determinants of financial inclusion in Vietnam: A demand-side approach," *SAGE Open*, vol. 13, no. 4, pp. 1–15, Oct. 2023, DOI: 10.1177/21582440231210639.
- [9] T. M. T. Tran and A. Schmitt, "Factors affecting personal finance management behavior and financial satisfaction in Vietnam," *Journal of International Economics and Management*, vol. 24, no. 3, pp. 97–118, 2024.
- [10] P. V. Nguyen, T. A. N. Nguyen, and H. T. Vu, "Multidimensional poverty and the role of social capital in poverty alleviation among ethnic groups in rural Vietnam: A multilevel analysis," *Frontiers in Sociology*, vol. 6, Art. no. 671844, Jul. 2021, DOI: 10.3389/fsoc.2021.671844.
- [11] T. M. Chau, "Financial inclusion in Vietnam: The impacts of demographic factors on the use," Master thesis, Erasmus University Rotterdam, Rotterdam, Netherlands, 2018.
- [12] T. A. N. Nguyen and T. T. H. Luong, "The determinants of financial inclusion from the households' perspectives in Vietnam," *PLoS ONE*, vol. 18, no. 8, Art. no. e0290789, Aug. 2023, DOI: 10.1371/journal.pone.0290789.
- [13] D. Kahneman and A. Tversky, "Prospect theory: An analysis of decision under risk," *Econometrica*, vol. 47, no. 2, pp. 263–291, Mar. 1979.
- [14] T. T. Pham, T. M. Nguyen, and Q. P. Bui, "Fintech driven financial inclusion: The case of Vietnamese households," *Journal of Organizational Behavior Research*, vol. 8, no. 1, pp. 1–15, 2023.
- [15] United Nations, "Sustainable Development Goals," 2015. [Online]. Available: <https://sdgs.un.org/goals>
- [16] M. Sarma and J. Pais, "Financial inclusion and development," *Journal of International Development*, vol. 23, no. 5, pp. 613–628, 2011.
- [17] F. Allen et al., "The foundations of financial inclusion: Understanding ownership and use of formal accounts," *Journal of Financial Intermediation*, vol. 27, pp. 1–30, 2016.
- [18] A. Demirgüç-Kunt and L. Klapper, "Measuring financial inclusion: The Global Findex Database," *World Bank Policy Research Working Paper*, no. 6025, 2013.
- [19] C.-Y. Park and R. V. Mercado, "Financial inclusion, poverty, and income inequality in developing Asia," *Asian Development Bank Economics Working Paper Series*, no. 526, 2018.
- [20] A. Sharma and S. Kukreja, "An analytical study: Relevance of financial inclusion for developing nations," *International Journal of Engineering Science*, vol. 2, no. 6, pp. 15–20, 2013.